

ĐIỂM THI HỌC KÌ 2 - PHẦN TRẮC NGHIỆM TIẾNG ANH

KHỐI 11

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
1	000897	Nguyễn Thanh An	11A1	117	11	1.1
2	000912	Thái Hồng Anh	11A1	117	12	1.2
3	000914	Trần Ngọc Linh Anh	11A1	118	10	1
4	000921	Ngô Thanh Bình	11A1	118	6	0.6
5	000928	Võ Minh Cường	11A1	118	12	1.2
6	000930	Hoàng Đình Đức Dũng	11A1	118	11	1.1
7	000932	Trần Lê Phương Dung	11A1	117	11	1.1
8	000933	Nguyễn Hùng Dương	11A1	116	9	0.9
9	000942	Cao Thị Mỹ Duyên	11A1	117	10	1
10	000944	Ngô Hồ Kỳ Duyên	11A1	118	12	1.2
11	000967	Đặng Thị Hồng Hạnh	11A1	117	10	1
12	000983	Nguyễn Quang Hoài	11A1	116	10	1
13	000989	Trần Quốc Anh Hoàng	11A1	118	12	1.2
14	000994	Nguyễn Hữu Hào Hùng	11A1	118	13	1.3
15	001001	Lưu Đức Huy	11A1	117	14	1.4
16	001002	Nguyễn Gia Huy	11A1	116	16	1.6
17	001012	Phạm Thị Ngọc Huyền	11A1	116	6	0.6
18	001020	Nguyễn Quỳnh Kim Khánh	11A1	115	6	0.6
19	001029	Trần Gia Kiệt	11A1	115	11	1.1
20	001040	Huỳnh Thái Toàn Lợi	11A1	118	8	0.8
21	001049	Nguyễn Hồng Mai	11A1	115	16	1.6
22	001050	Nguyễn Ngọc Phương Mai	11A1	118	10	1
23	001052	Quách Chánh Mẫn	11A1	117	3	0.3
24	001055	Nguyễn Hoàng Minh	11A1	117	9	0.9
25	001067	Nguyễn Hồng Ngân	11A1	116	6	0.6
26	001076	Huỳnh Đức Nghị	11A1	118	7	0.7
27	001077	Đào Minh Ngọc	11A1	116	9	0.9
28	001088	Phạm Minh Nhật	11A1	115	12	1.2

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
29	001093	Lê Ngọc Nhi	11A1	116	5	0.5
30	001095	Nguyễn Thị Yến Nhi	11A1	115	11	1.1
31	001106	Võ Hoàng Như	11A1	115	10	1
32	001108	Hà Thị Tuyết Nhung	11A1	115	12	1.2
33	001111	Nguyễn Phạm Kiều Oanh	11A1	115	14	1.4
34	001117	Hoàng Gia Triệu Phú	11A1	116	14	1.4
35	001129	Đặng Nguyễn Thảo Phương	11A1	117	13	1.3
36	001139	Nguyễn Hoàng Quân	11A1	118	13	1.3
37	001140	Nguyễn Văn Quân	11A1	115	7	0.7
38	001158	Đoàn Lê Thanh Tâm	11A1	115	9	0.9
39	001167	Nguyễn Thị Kim Thanh	11A1	115	7	0.7
40	001175	Trần Quang Thê	11A1	117	13	1.3
41	001187	Nguyễn Thị Hoài Thương	11A1	117	12	1.2
42	001193	Vũ Ngọc Bảo Thy	11A1	115	9	0.9
43	001214	Trương Quốc Trung	11A1	115	9	0.9
44	001222	Đinh Thị Thanh Tuyền	11A1	118	11	1.1
45	001232	Nguyễn Hoàng Vũ	11A1	116	12	1.2
46	001245	Trương Thúy Vy	11A1	116	10	1
47	000902	Giang Nguyễn Quỳnh Anh	11A2	115	10	1
48	000924	Chu Thị Quỳnh Chi	11A2	116	9	0.9
49	000931	Lê Văn Dũng	11A2	115	9	0.9
50	000938	Lê Vũ Duy	11A2	115	10	1
51	000948	Nguyễn Hải Đăng	11A2	115	12	1.2
52	000951	Nguyễn Long Thành Đạt	11A2	117	7	0.7
53	000963	Nguyễn Ngọc Gia Hân	11A2	117	15	1.5
54	000973	Ngô Thanh Hậu	11A2	118	16	1.6
55	000974	Nguyễn Thị Diệu Hiền	11A2	116	16	1.6
56	000985	Phan Thị Kim Hoàn	11A2	117	14	1.4
57	000987	Trần Đức Hoàng	11A2	118	8	0.8
58	000988	Trần Huy Hoàng	11A2	115	9	0.9
59	001006	Nguyễn Tấn Huy	11A2	117	16	1.6

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
60	001009	Trần Nhật Huy	11A2	118	13	1.3
61	001013	Đoàn Gia Hy	11A2	115	13	1.3
62	001016	Cao Vương Khang	11A2	115	14	1.4
63	001027	Trần Phan Anh Khôi	11A2	116	8	0.8
64	001028	Nguyễn Văn Kiệt	11A2	117	9	0.9
65	001032	Lê Phương Linh	11A2	116	12	1.2
66	001037	Trần Ngọc Linh	11A2	117	13	1.3
67	001047	Nguyễn Hồng Hải Ly	11A2	116	15	1.5
68	001053	Nguyễn Huy Mạnh	11A2	115	13	1.3
69	001061	Lê Hoài Nam	11A2	118	15	1.5
70	001066	Nguyễn Dương Kim Ngân	11A2	118	9	0.9
71	001070	Nguyễn Thanh Ngân	11A2	118	11	1.1
72	001079	Nguyễn Đức Tuấn Ngọc	11A2	115	6	0.6
73	001081	Trần Thị Kim Ngọc	11A2	116	12	1.2
74	001099	Phạm Yến Nhi	11A2	117	11	1.1
75	001105	Huỳnh Thị Như	11A2	117	12	1.2
76	001109	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11A2	117	13	1.3
77	001120	Bùi Đào Tấn Phúc	11A2	116	9	0.9
78	001124	Lê Hoàng Kim Phụng	11A2	116	8	0.8
79	001128	Dương Hải Huyền Phương	11A2	117	11	1.1
80	001161	Thạch Phú Tân	11A2	117	4	0.4
81	001165	Cao Thị Diệp Thanh	11A2	115	12	1.2
82	001168	Phạm Quang Thành	11A2	118	10	1
83	001171	Đặng Phan Phúc Thảo	11A2	117	12	1.2
84	001174	Trang Ngọc Thảo	11A2	115	14	1.4
85	001213	Chu Vũ Quốc Trung	11A2	118	7	0.7
86	001215	Lê Mỹ Tú	11A2	115	13	1.3
87	001219	Phạm Lê Đình Tuấn	11A2	116	9	0.9
88	001221	Võ Thanh Tùng	11A2	115	9	0.9
89	001226	Phạm Ngọc Thái Uyên	11A2			Vắng
90	001240	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	11A2	118	13	1.3

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
91	001241	Nguyễn Ngọc Tường Vy	11A2	118	9	0.9
92	000904	Nguyễn Châu Anh	11A3	116	11	1.1
93	000909	Nguyễn Vân Anh	11A3	116	5	0.5
94	000915	Nguyễn Văn Bằng	11A3	118	10	1
95	000919	Trương Quốc Bảo	11A3	117	10	1
96	000935	Phạm Thị Thùy Dương	11A3	117	9	0.9
97	000936	Phan Nguyễn Quỳnh Dương	11A3	115	12	1.2
98	000939	Nguyễn Trọng Duy	11A3	118	9	0.9
99	000943	Lê Thị Ngọc Duyên	11A3	116	10	1
100	000947	Nguyễn Văn Đài	11A3	117	8	0.8
101	000955	Hoàng Mạnh Đức	11A3	115	16	1.6
102	000959	Nguyễn Thị Kim Giàu	11A3	115	11	1.1
103	000966	Phạm Như Minh Hằng	11A3	115	15	1.5
104	000995	Phạm Tấn Hưng	11A3	115	8	0.8
105	000996	Lê Quỳnh Hương	11A3	115	11	1.1
106	000999	Bùi Văn Huy	11A3	116	14	1.4
107	001007	Nguyễn Thái Gia Huy	11A3	115	15	1.5
108	001014	Trần Quang Khải	11A3	118	6	0.6
109	001023	Lê Vũ Anh Khoa	11A3	117	11	1.1
110	001036	Phan Khánh Linh	11A3	115	11	1.1
111	001062	Lý Nhật Nam	11A3	115	13	1.3
112	001069	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	11A3	115	4	0.4
113	001078	Lý Thị Hồng Ngọc	11A3	117	9	0.9
114	001087	Nguyễn Trần Minh Nhật	11A3	118	12	1.2
115	001100	Trần Thị Thảo Nhi	11A3	118	16	1.6
116	001112	Đào Đức Phát	11A3	117	18	1.8
117	001116	Trương Thanh Phong	11A3	118	10	1
118	001121	Nguyễn Hoàng Phúc	11A3	118	11	1.1
119	001137	Lê Văn Quân	11A3	116	12	1.2
120	001147	Nguyễn Kim Quyên	11A3	115	8	0.8
121	001153	Nguyễn Thị Yến Sơn	11A3	116	11	1.1

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
122	001155	Nguyễn Duy Tài	11A3	117	9	0.9
123	001176	Nguyễn Hữu Thiện	11A3	118	10	1
124	001183	Phạm Minh Thư	11A3	118	8	0.8
125	001185	Nguyễn Phan Huy Thuận	11A3	116	10	1
126	001192	Mai Thy Thy	11A3	118	11	1.1
127	001207	Phạm Thị Thùy Trang	11A3	118	13	1.3
128	001216	Nguyễn Đăng Tú	11A3	118	12	1.2
129	001217	Nguyễn Phong Tú	11A3	116	11	1.1
130	001218	Nguyễn Đỗ Anh Tuấn	11A3	117	9	0.9
131	001224	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	11A3	115	10	1
132	001227	Đào Võ Tuyết Vi	11A3	116	13	1.3
133	001231	Bùi Nguyễn Tân Vũ	11A3	117	12	1.2
134	001243	Thạch Hồng Thảo Vy	11A3	116	10	1
135	001247	Trần Nguyễn Như Ý	11A3	115	12	1.2
136	001251	Lương Nguyễn Hải Yến	11A3	116	7	0.7
137	000913	Trần Ngọc Anh	11A4	116	12	1.2
138	000916	Lâm Gia Bảo	11A4	117	14	1.4
139	000926	Đặng Thị Thanh Chúc	11A4	117	13	1.3
140	000954	Ngô Thanh Điền	11A4	116	5	0.5
141	000957	La Hoài Giang	11A4	116	10	1
142	000970	Lê Thị Hảo	11A4	116	6	0.6
143	000982	Phạm Trần Gia Hòa	11A4	117	2	0.2
144	000993	Nguyễn Đặng Phước Hưng	11A4	116	10	1
145	001008	Nguyễn Đăng Huy	11A4	116	5	0.5
146	001018	Nguyễn Gia Khánh	11A4	118	10	1
147	001030	Trần Văn Lâm	11A4	117	8	0.8
148	001035	Nguyễn Thị Thùy Linh	11A4	118	7	0.7
149	001039	Hoàng Phúc Lộc	11A4	117	8	0.8
150	001041	Ngô Hữu Lợi	11A4	116	13	1.3
151	001043	Nguyễn Hồng Lua	11A4	118	9	0.9
152	001056	Tổng Anh Minh	11A4	116	6	0.6

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
153	001068	Nguyễn Lê Bảo Ngân	11A4	117	10	1
154	001071	Nguyễn Thị Bích Ngân	11A4	118	6	0.6
155	001074	Trương Nguyễn Ngọc Ngân	11A4	117	11	1.1
156	001090	Bùi Thị Yến Nhi	11A4	117	13	1.3
157	001114	Phạm Thành Phát	11A4	118	11	1.1
158	001119	Trần Đức Phú	11A4	117	14	1.4
159	001122	Nguyễn Ngọc Phúc	11A4	115	13	1.3
160	001131	Lê Hải Phương	11A4	115	12	1.2
161	001132	Nguyễn Thanh Phương	11A4	118	9	0.9
162	001136	Lê Minh Quan	11A4	116	11	1.1
163	001141	Phạm Nhật Quang	11A4	115	8	0.8
164	001148	Nguyễn Lê Thục Quyên	11A4	118	6	0.6
165	001154	Bạch Văn Tài	11A4	117	9	0.9
166	001159	Phạm Thanh Tâm	11A4	118	8	0.8
167	001166	Hồ Văn Quang Thành	11A4	118	8	0.8
168	001173	Nguyễn Hồng Thảo	11A4	118	17	1.7
169	001177	Phạm Minh Thiện	11A4	115	10	1
170	001179	Nguyễn Thị Kim Thoa	11A4	118	14	1.4
171	001180	Lê Nguyễn Anh Thư	11A4	118	12	1.2
172	001189	Nguyễn Thị Xuân Thương	11A4	116	12	1.2
173	001191	Nguyễn Thị Thanh Thúy	11A4	117	9	0.9
174	001194	Hồ Thanh Tiền	11A4	116	8	0.8
175	001198	Nguyễn Trung Tín	11A4	116	12	1.2
176	001206	Nguyễn Thị Thùy Trang	11A4	118	15	1.5
177	001223	Nguyễn Phan Thanh Tuyền	11A4	118	16	1.6
178	001228	Lê Quách Triệu Vĩ	11A4	115	14	1.4
179	001229	Nguyễn Hoàng Thúy Vi	11A4	115	12	1.2
180	001238	Nguyễn Đặng Khả Vy	11A4	118	13	1.3
181	001248	Trần Nguyễn Như Ý	11A4	117	14	1.4
182	000898	Phạm Huỳnh Ngọc Hiếu Ân	11A5	118	13	1.3
183	000900	Dư Vũ Vân Anh	11A5	117	8	0.8

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
184	000910	Phạm Ngọc Ánh	11A5	118	13	1.3
185	000923	Lê Ngọc Bảo Châu	11A5			Vắng
186	000927	Nguyễn Thị Diệp Chúc	11A5	116	13	1.3
187	000929	Lê Thanh Danh	11A5	115	17	1.7
188	000934	Phạm Đoàn Ánh Dương	11A5	116	10	1
189	000937	Lâm Bảo Duy	11A5	118	14	1.4
190	000952	Phùng Quốc Đạt	11A5	115	5	0.5
191	000958	Trần Thanh Giang	11A5			
192	000964	Huỳnh Ngọc Cẩm Hằng	11A5	118	8	0.8
193	000965	Lê Thị Kim Hằng	11A5	118	12	1.2
194	000968	Đỗ Văn Anh Hào	11A5	115	8	0.8
195	000979	Dương Lê Gia Hòa	11A5			
196	000991	Hoàng Ngọc Hưng	11A5	117	16	1.6
197	001005	Nguyễn Phan Gia Huy	11A5	118	8	0.8
198	001010	Trương Nguyễn Mai Huy	11A5	117	15	1.5
199	001024	Nguyễn Huỳnh Anh Khoa	11A5	118	3	0.3
200	001033	Ngô Thùy Linh	11A5	115	8	0.8
201	001057	Trần Nhật Minh	11A5	118	9	0.9
202	001075	Võ Thủy Ngân	11A5	118	10	1
203	001080	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11A5	118	8	0.8
204	001086	Huỳnh Minh Nhật	11A5	116	13	1.3
205	001092	Huỳnh Yến Nhi	11A5	118	9	0.9
206	001096	Nguyễn Ý Nhi	11A5	118	10	1
207	001102	Tạ Thùy Nhiên	11A5	117	12	1.2
208	001110	Đinh Thị Nụ	11A5	116	6	0.6
209	001126	Lê Văn Phước	11A5	118	6	0.6
210	001135	Đào Minh Quân	11A5	117	14	1.4
211	001138	Nguyễn Duy Quân	11A5	117	11	1.1
212	001142	Đậu Xuân Quốc	11A5	117	7	0.7
213	001144	Hoàng Lê Bảo Quốc	11A5	116	8	0.8
214	001145	Lê Thiên Quy	11A5	117	8	0.8

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
215	001146	Nguyễn Hồng Quý	11A5	115	11	1.1
216	001157	Đỗ Cao Minh Tâm	11A5	118	11	1.1
217	001203	Hoàng Huyền Trang	11A5	118	14	1.4
218	001204	Lê Thị Thùy Trang	11A5	117	9	0.9
219	001209	Ngô Thiên Triều	11A5	117	10	1
220	001210	Phan Chí Trọng	11A5	116	18	1.8
221	001220	Nguyễn Hữu Tùng	11A5	117	12	1.2
222	001225	Lại Thị Minh Uyên	11A5	117	7	0.7
223	001237	Hồ Nguyễn Huyền Vy	11A5	116	10	1
224	001242	Nguyễn Ngọc Tường Vy	11A5	117	11	1.1
225	001250	Đặng Thị Mỹ Yên	11A5	118	9	0.9
226	000901	Đỗ Thị Lan Anh	11A6	115	16	1.6
227	000907	Nguyễn Thanh Kim Anh	11A6	115	9	0.9
228	000911	Phạm Nguyễn Hoàng Anh	11A6	115	17	1.7
229	000917	Lê Hoài Bảo	11A6	118	10	1
230	000925	Nguyễn Thảo Chi	11A6	117	6	0.6
231	000940	Trần Khánh Duy	11A6	116	9	0.9
232	000941	Cao Nguyễn Mỹ Duyên	11A6	117	13	1.3
233	000949	Nguyễn Khánh Đăng	11A6	118	14	1.4
234	000953	Trịnh Quốc Đạt	11A6	118	11	1.1
235	000956	Nguyễn Hồng Gám	11A6	117	10	1
236	000962	Đỗ Ngọc Bảo Hân	11A6	118	8	0.8
237	000975	Nguyễn Xuân Hiền	11A6	117	8	0.8
238	000976	Trần Hoàng Hiệp	11A6	117	10	1
239	000981	Phạm Thị Kim Hoa	11A6	115	17	1.7
240	001011	Võ Bùi Quang Huy	11A6	115	12	1.2
241	001025	Nguyễn Võ Anh Khoa	11A6	116	11	1.1
242	001034	Nguyễn Hồng Thùy Linh	11A6	116	14	1.4
243	001044	Nguyễn Hữu Luân	11A6	117	11	1.1
244	001048	Huỳnh Ngọc Tuyết Mai	11A6	117	14	1.4
245	001058	Nguyễn Vũ Anh Mỹ	11A6	115	16	1.6

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
246	001059	Phan Thảo My	11A6	117	9	0.9
247	001064	Trương Tuyết Nga	11A6	117	5	0.5
248	001065	Huyền Thị Tuyết Ngân	11A6	115	9	0.9
249	001082	Trương Minh Ngọc	11A6	116	9	0.9
250	001084	Nguyễn Thị Nguyên	11A6	115	11	1.1
251	001085	Trần Huỳnh Trương Nguyễn	11A6	117	9	0.9
252	001089	Văn Nguyễn Minh Nhật	11A6	116	10	1
253	001094	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	11A6	117	8	0.8
254	001097	Nguyễn Yên Nhi	11A6	116	7	0.7
255	001107	Vũ Thị Quỳnh Như	11A6	118	8	0.8
256	001127	Mai Lê Hữu Phước	11A6	116	8	0.8
257	001130	Đinh Thùy Uyên Phương	11A6	116	9	0.9
258	001134	Đặng Anh Quân	11A6	115	8	0.8
259	001150	Nguyễn Đỗ Thanh Sang	11A6			Vắng
260	001151	Nguyễn Thế Sang	11A6	115	11	1.1
261	001152	Nguyễn Hoàng Sơn	11A6	118	11	1.1
262	001156	Nguyễn Hữu Tấn Tài	11A6	116	10	1
263	001160	Cao Hoàng Duy Tân	11A6	115	8	0.8
264	001164	Nguyễn Đức Thắng	11A6	117	10	1
265	001172	Lê Thanh Thảo	11A6	116	10	1
266	001182	Nguyễn Lê Anh Thư	11A6	116	11	1.1
267	001199	Trần Mạnh Toàn	11A6	118	11	1.1
268	001202	Nguyễn Thụy Huyền Trâm	11A6	115	6	0.6
269	001208	Hồ Ngọc Trí	11A6	115	7	0.7
270	001254	Nguyễn Thị Hải Yến	11A6	116	11	1.1
271	000899	Dương Trần Chí Tài Anh	11A7	118	9	0.9
272	000903	Ngô Quang Tuấn Anh	11A7	117	11	1.1
273	000905	Nguyễn Hoàng Anh	11A7			Vắng
274	000918	Trương Gia Bảo	11A7	115	6	0.6
275	000920	Nguyễn Hồ Ngọc Bích	11A7	116	11	1.1
276	000922	Phan Duyên Bình	11A7	115	9	0.9

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
277	000960	Huỳnh Ngọc Hải	11A7	117	8	0.8
278	000971	Trần Hồ Anh Hào	11A7	116	15	1.5
279	000972	Cao Thanh Hậu	11A7	115	13	1.3
280	000986	Lưu Văn Hoàng	11A7	115	10	1
281	000990	Lâm Nguyễn Sanh Hoàng	11A7	116	18	1.8
282	000997	Lê Thị Thu Hương	11A7	117	14	1.4
283	000998	Bùi Gia Huy	11A7	116	12	1.2
284	001004	Nguyễn Lâm Nghĩa Huy	11A7	117	10	1
285	001015	Bùi Huy Khang	11A7	118	13	1.3
286	001017	Trần Phú Khang	11A7	115	18	1.8
287	001026	Trần Nguyễn Anh Khoa	11A7	118	14	1.4
288	001038	Trần Ngọc Linh	11A7	115	9	0.9
289	001046	Hồ Cẩm Ly	11A7	115	9	0.9
290	001054	Lê Nguyễn Hoàng Minh	11A7	118	11	1.1
291	001072	Nguyễn Thiên Ngân	11A7	117	13	1.3
292	001073	Phạm Trần Thành Ngân	11A7	115	9	0.9
293	001083	Nguyễn Danh Thảo Nguyên	11A7	117	13	1.3
294	001098	Phạm Nguyễn Thảo Nhi	11A7	115	9	0.9
295	001101	Trần Thị Yến Nhi	11A7	118	11	1.1
296	001103	Giang Tâm Như	11A7	116	11	1.1
297	001113	Lê Xuân Hoàng Phát	11A7	118	11	1.1
298	001118	Ong Lê Phú	11A7	117	10	1
299	001123	Trần Bảo Phúc	11A7	115	14	1.4
300	001125	Huỳnh Quang Phước	11A7	115	7	0.7
301	001133	Nguyễn Thị Hoài Phương	11A7	118	10	1
302	001143	Đoàn Kiến Quốc	11A7	116	8	0.8
303	001149	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	11A7	118	9	0.9
304	001178	Nguyễn Trường Thịnh	11A7	116	10	1
305	001184	Thái Thị Anh Thư	11A7	117	10	1
306	001188	Nguyễn Thị Hoài Thương	11A7	117	8	0.8
307	001190	Nguyễn Thị Kim Thùy	11A7	115	8	0.8

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
308	001200	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	11A7	117	15	1.5
309	001201	Nguyễn Phương Trâm	11A7	116	5	0.5
310	001211	Huỳnh Thị Thanh Trúc	11A7	117	10	1
311	001212	Mai Nguyễn Bảo Trúc	11A7	116	8	0.8
312	001230	Nguyễn Vũ Ái Vi	11A7	117	10	1
313	001233	Trần Thanh Vũ	11A7	117	8	0.8
314	001234	Trương Trần Anh Vũ	11A7	116	11	1.1
315	001239	Nguyễn Huỳnh Thanh Vy	11A7	118	10	1
316	001249	Dương Thị Kim Yến	11A7	115	12	1.2
317	000906	Nguyễn Lê Tuấn Anh	11A8	116	14	1.4
318	000908	Nguyễn Tiến Anh	11A8	115	13	1.3
319	000945	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11A8	115	13	1.3
320	000946	Nguyễn Thị Thùy Duyên	11A8	118	6	0.6
321	000950	Mai Phát Đạt	11A8	116	10	1
322	000961	Nguyễn Lê Duy Hải	11A8	116	8	0.8
323	000969	Huỳnh Phú Hào	11A8	118	8	0.8
324	000977	Phạm Trung Hiếu	11A8	116	7	0.7
325	000978	Dương Huệ Hoa	11A8	118	10	1
326	000980	Nguyễn Thị Kim Hoa	11A8	118	11	1.1
327	000984	Nguyễn Tiến Hoài	11A8	116	9	0.9
328	000992	Lâm Quốc Hưng	11A8	117	5	0.5
329	001000	Đình Tiến Lê Huy	11A8	117	5	0.5
330	001003	Nguyễn Hoàng Huy	11A8	116	10	1
331	001019	Nguyễn Gia Khánh	11A8	118	14	1.4
332	001021	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	11A8	118	10	1
333	001022	Lê Đức Anh Khoa	11A8	116	11	1.1
334	001031	Võ Tấn Lành	11A8	115	12	1.2
335	001042	Quách Gia Long	11A8	118	9	0.9
336	001045	Cao Thị Hồng Lý	11A8	116	12	1.2
337	001051	Võ Xuân Mai	11A8	116	8	0.8
338	001060	Trần Ngọc Kiều My	11A8	116	11	1.1

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
339	001063	Dương Vân Nga	11A8	116	9	0.9
340	001091	Hoàng Yến Nhi	11A8	115	11	1.1
341	001104	Huỳnh Phương Như	11A8	116	13	1.3
342	001115	Nguyễn Thị Yến Phi	11A8	115	9	0.9
343	001162	Trần Xuân Tấn	11A8	116	9	0.9
344	001163	Hoàng Hồng Thái	11A8	116	15	1.5
345	001169	Phan Tấn Thành	11A8	116	14	1.4
346	001170	Trần Tân Thanh	11A8	117	10	1
347	001181	Nguyễn Anh Thư	11A8	115	14	1.4
348	001186	Chu Thị Hoài Thương	11A8	115	11	1.1
349	001195	Huỳnh Ngọc Minh Tiến	11A8	117	11	1.1
350	001196	Lê Trần Nhật Tiên	11A8	118	8	0.8
351	001197	Lê Trọng Tín	11A8	115	12	1.2
352	001205	Nguyễn Thảo Trang	11A8	117	17	1.7
353	001235	Võ Anh Vũ	11A8	115	6	0.6
354	001236	Đặng Ngọc Trường Vy	11A8	117	15	1.5
355	001244	Trần Nguyễn Hà Vy	11A8	118	8	0.8
356	001246	Dương Thị Ngọc Xuân	11A8	115	12	1.2
357	001252	Nguyễn Lê Kim Yên	11A8	115	8	0.8
358	001253	Nguyễn Thị Yên	11A8	115	10	1